

Số: /2026/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 18 tháng 10 năm 2024 ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 26 tháng 12 năm 2014 quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại tờ trình số 5999/TTr-SYT ngày 20 tháng 6 năm 2026 về việc Dự thảo Quyết định về việc cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định về việc cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt (thực hiện điểm a khoản 2 Điều 17 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thành phố quản lý về chuyên môn (bao gồm các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trực thuộc Sở Y tế; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội; trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền

quản lý của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Thủ tục đề nghị áp dụng danh mục kỹ thuật đặc biệt của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thành phố quản lý về chuyên môn

(Tại phụ lục kèm Quyết định)

Điều 3. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

a) Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt.

b) Ban hành Quyết định phê duyệt danh mục kỹ thuật loại đặc biệt thực hiện tại các cơ sở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định theo quy định;

b) Thực hiện các quy định tại khoản 5 Điều 33 của Luật Thủ đô trong quá trình tổ chức thi hành Quyết định;

c) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm giải trình khi xây dựng, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố để tổ chức thi hành Luật Thủ đô.

2. Sở Y tế:

a) Chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt của các cơ sở khám, chữa bệnh.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định cho phép áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt.

d) Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kỹ thuật loại đặc biệt tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

a) Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ theo quy định; số hóa, chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thủ tục hành chính; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; thu phí, lệ phí, các nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định; từ chối tiếp nhận đối với hồ sơ chưa đúng quy định.

b) Chủ trì theo dõi, giám sát, đánh giá, đôn đốc việc giải quyết và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị liên quan theo đúng quy trình được phê duyệt.

4. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thành phố quản lý về chuyên môn

a) Lập hồ sơ đề nghị áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt theo quy định.

b) Bảo đảm đầy đủ điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện chuyên môn khác theo quy định của pháp luật.

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ và việc tổ chức thực hiện kỹ thuật được cho phép áp dụng.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Y tế;
- Cục KTVB&QLXLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND xã/phường
- VPUB: CVP, PCVP P.T.T.Huyện,
các phòng: KGVX, NC, TH, Trung tâm TTDL&CNS;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thu Hà

Phụ lục

Thủ tục đề nghị áp dụng danh mục kỹ thuật đặc biệt của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thành phố quản lý về chuyên môn

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND của UBND Thành phố)

1. Nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Số lượng, thành phần hồ sơ cụ thể như sau:

a) Trường hợp 1: Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hoạt động đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 59 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (bao gồm phê duyệt danh mục kỹ thuật loại đặc biệt):

- Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;

- Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;

- Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề và giấy xác nhận quá trình hành nghề theo Mẫu 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (không áp dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế);

- Bản kê khai cơ sở vật chất, danh mục thiết bị y tế, danh sách nhân sự đáp ứng điều kiện cấp giấy phép hoạt động tương ứng với từng hình thức tổ chức theo Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và các giấy tờ chứng minh, xác nhận các kê khai đó;

- Danh sách ghi rõ họ tên, số giấy phép hành nghề của từng người hành nghề đăng ký hành nghề tại cơ sở đó theo Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;

- Văn bản do cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định về chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của bệnh viện của nhà nước hoặc điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện tư nhân theo Mẫu 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;

- Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

- Trường hợp đề nghị cấp lần đầu giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không vì mục đích lợi nhuận thì phải có tài liệu chứng minh nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo hoặc hoạt động khám bệnh, chữa bệnh không vì

mục đích lợi nhuận.

b) Trường hợp 2: Thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật (bao gồm cả danh mục kỹ thuật loại đặc biệt):

- Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;
- Bản sao giấy phép hoạt động;
- Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và hồ sơ nhân sự tương ứng với quy mô hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc danh mục kỹ thuật dự kiến thay đổi và các tài liệu minh chứng đáp ứng việc thay đổi.

2. Công dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo 1 trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích. Sau khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ cho cơ sở đề nghị.

3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho Sở Y tế để tổ chức thẩm định.

4. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Y tế phải có văn bản gửi cơ sở đề nghị, trong đó phải nêu cụ thể các tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Sở Y tế có văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung, cơ sở đề nghị phải nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu. Sau thời hạn trên, cơ sở đề nghị không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

5. Sau khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung, Sở Y tế trả cho cơ sở đề nghị phiếu tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung:

a) Trường hợp hồ sơ sửa đổi, bổ sung không đáp ứng yêu cầu, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Y tế phải có văn bản gửi cơ sở đề nghị, trong đó phải nêu cụ thể các tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Sở Y tế có văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung, cơ sở đề nghị phải nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu.

Sau thời hạn trên, cơ sở đề nghị không sửa đổi, bổ sung hoặc sau 12 tháng, kể từ ngày nộp hồ sơ lần đầu mà hồ sơ bổ sung không đáp ứng yêu cầu thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

b) Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc hồ sơ đã được hoàn thiện, Sở Y tế sẽ đánh giá và tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở trong trường hợp cần thiết.

6. Trường hợp điều chỉnh Giấy phép hoạt động mà không phải tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở, Sở Y tế kiểm tra đánh giá mức độ, khả năng thực hiện các kỹ thuật loại đặc biệt của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quyết định việc thực hiện thí điểm hay không thí điểm.

a) Trường hợp không phải thực hiện thí điểm: Sở Y tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành văn bản cho phép thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ

thuật đặc biệt trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ.

b) Trường hợp phải thực hiện thí điểm:

- Sau khi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã kết thúc triển khai thí điểm kỹ thuật loại đặc biệt phải gửi báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện thí điểm trong đó đề xuất việc triển khai chính thức kỹ thuật loại đặc biệt kèm theo quy trình thực hiện kỹ thuật loại đặc biệt về Sở Y tế.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Y tế tổ chức thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật, Sở Y tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được triển khai áp dụng chính thức kỹ thuật loại đặc biệt. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

7. Trường hợp cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm phê duyệt danh mục kỹ thuật loại đặc biệt) hoặc thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật (bao gồm cả danh mục kỹ thuật loại đặc biệt) mà phải tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở:

a) Sở Y tế tổ chức thẩm định tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, biên bản thẩm định phải nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung:

- Sở Y tế ban hành văn bản thông báo về các nội dung cần khắc phục, sửa chữa trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định.

- Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Sở Y tế có văn bản thông báo về các nội dung cần sửa đổi, bổ sung mà cơ sở đề nghị không hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung của cơ sở đề nghị, Sở Y tế có thể tiến hành kiểm tra thực tế việc sửa đổi, bổ sung của cơ sở đề nghị (nếu cần) và có văn bản trả lời, nêu rõ lý do không cho phép áp dụng danh mục kỹ thuật đặc biệt nếu cơ sở đề nghị không hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung hoặc kết quả kiểm tra thực tế không đạt yêu cầu.

c) Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc cơ sở y tế đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, Sở Y tế báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quyết định việc thực hiện thí điểm hay không thí điểm:

- Trường hợp không phải thực hiện thí điểm: Sở Y tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành văn bản cho phép thực hiện danh mục kỹ thuật đặc biệt.

- Trường hợp phải thực hiện thí điểm: thực hiện theo quy định tại điểm b, Khoản 6, Phụ lục của Quyết định này.

8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cho phép áp dụng danh mục kỹ thuật đặc biệt, Sở Y tế công bố, cập nhật trên cổng thông tin điện tử hoặc trang tin điện tử của mình và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh các thông tin liên quan đến nội dung điều chỉnh.

9. Văn bản cho phép áp dụng danh mục kỹ thuật đặc biệt được lập thành 02 bản: 01 bản cấp cho cơ sở đề nghị và 01 bản lưu tại Sở Y tế trừ trường hợp đã trả kết quả trên môi trường điện tử.